

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/HNGĐ - ST

Ngày 31 - 7 - 2023

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Xuân Vũ;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: không.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 133/2023/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vi Thị T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Ng, xã LĐ, huyện LY, tỉnh YB; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh La Văn N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Ng, xã LĐ, huyện LY, tỉnh YB; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2023 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Chị Vi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và Anh N đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 15-02-2019 tại Ủy ban nhân dân xã LĐ, huyện LY, tỉnh YB. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan

điểm sống, đời sống hôn nhân thường xảy ra cãi vã không có tiếng nói chung trong cuộc sống, hiện Chị T và Anh N đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh N.

Về con chung: Chị T và Anh N có một con chung là La Thị Xâm, sinh ngày 19-10-2014; hiện cháu Xâm đang sinh sống cùng với Anh N tại thôn Ng, xã LĐ, huyện LY, tỉnh YB, sau khi ly hôn Chị T đề nghị giao con chung cho Anh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi, về cấp dưỡng Chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Anh La Văn N trình bày: Anh công nhận lời trình bày của Chị T về thời gian, địa điểm kết hôn là đúng, anh và Chị T chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, Anh N xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn gia đình là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, Anh N và Chị T đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay Chị T có yêu cầu xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Anh và Chị T có một con chung là La Thị Xâm, sinh ngày 19-10-2014 hiện con chung đang được Anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu Chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tiến hành phiên hoà giải, nhưng Anh N không có mặt tại Tòa án, Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được và xét xử vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án thụ lý và giải quyết vụ án xác định mối quan hệ pháp luật vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo đơn khởi kiện của Chị Vi Thị T, do bị đơn Anh N có hộ khẩu thường trú tại thôn Ng, xã LĐ, huyện LY, tỉnh YB. Căn cứ quan hệ pháp luật và thẩm quyền theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái có thẩm quyền giải quyết.

Tại phiên tòa, Chị T và Anh N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Đối với quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị T và Anh La Văn N kết hôn ngày 20-01-2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liễu Đô, huyện Lục Yên,

tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định tại Điều 9, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này qua lời khai của Chị T năm 2017 chị và Anh N phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống cuộc sống chung thường xảy ra cãi vã, Chị T và Anh N đã sống ly thân từ thời gian đó đến nay không quan tâm đến nhau nữa.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Trên thực tế vợ chồng Chị T và Anh N thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân là đúng thực tế, Anh N đồng ý ly hôn với Chị T.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa Chị T và Anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử, xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Vi Thị T được ly hôn với Anh La Văn N.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án Chị T và Anh N xác nhận có một con chung là La Thị Xâm, sinh ngày 19-10-2014 hiện con chung đang ở cùng Anh N tại thôn Ng, xã LĐ, huyện LY, tỉnh YB; nguyện vọng của cháu Xâm được ở với bố, khi ly hôn Anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi, Chị T không cấp dưỡng nuôi con chung. Quan điểm của Anh N, phù hợp với ý kiến của Chị T đồng ý để Anh N nuôi con chung, nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh N trực tiếp nuôi con chung La Thị Xâm, Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Vi Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị T được ly hôn với Anh La Văn N.

2. Về nuôi con chung: Anh La Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là La Thị Xâm, sinh ngày 19-10-2014 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi, Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, Chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vi Thị T phải nộp 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai số: AA/2021/0003553 ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm Chị T và Anh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự. người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã LĐ;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đỗ Quỳnh